

Muốn chia một số cho một tích hai thừa số, ta có thể lấy số đó chia cho một thừa số, rồi lấy kết quả tìm được chia cho thừa số kia.

$$a : (b \times c) = (a : b) : c = (a : c) : b \quad (\text{với } b, c \text{ khác } 0)$$

✱ **Một tích chia cho một số:**

Muốn chia một tích hai thừa số cho một số, ta có thể lấy một thừa số chia cho số đó (nếu chia hết) rồi nhân kết quả với số kia

$$(a \times b) : c = (a : c) \times b = a \times (b : c) \quad (\text{với } c \text{ khác } 0)$$

✱ **Nếu gấp số bị chia và số chia lên cùng một số lần thì thương không thay đổi.**

$$a : b = c \quad (\text{với } b \text{ khác } 0)$$

$$(a \times m) : (b \times m) = c \quad (\text{với } m \text{ khác } 0)$$

✱ Trong phép chia nếu **tăng (hoặc giảm) số chia** đi bao nhiêu lần và giữ nguyên **số bị chia** thì thương sẽ **giảm (hoặc tăng)** bấy nhiêu lần.

$$a : b = c \quad (b \text{ khác } 0)$$

$$a : (b \times n) = c : n \quad (n \text{ khác } 0)$$

$$a : (b : m) = c \times m \quad (m \text{ khác } 0)$$

✱ Trong phép chia nếu **tăng (hoặc giảm) số bị chia** đi bao nhiêu lần và giữ nguyên **số chia** thì thương sẽ **tăng (hoặc giảm)** bấy nhiêu lần.

$$a : b = c \quad (b \text{ khác } 0)$$

$$(a \times n) : b = c \times n \quad (n \text{ khác } 0)$$

$$(a : m) : b = c : m \quad (m \text{ khác } 0)$$

✱ **Muốn tìm số bị chia, ta lấy thương nhân với số chia.**

$$X : a = c$$

$$X = c \times a \quad (a \text{ khác } 0)$$

✱ **Muốn tìm số chia, ta lấy số bị chia chia cho thương.**

$$a : X = c$$

$$X = a : c \quad (X \text{ khác } 0)$$

**Phép chia có dư :**

$$a : b = c \text{ (dư } r) \quad (b > 0, \text{ số dư } r < b)$$

**\* Tìm số bị chia phép chia có dư :**

Muốn tìm **số bị chia** trong phép chia có dư, ta **lấy thương** nhân với **số chia** rồi **cộng** với **số dư**.

$$a = (c \times b) + r$$

**Ví dụ :**  $X : 7 = 6 \text{ dư } 2 \quad X = 6 \times 7 + 2$

$X = 44 \quad \text{Thử lại : } 44 : 7 = 6 \text{ dư } 2$

**\* Tìm số chia phép chia có dư :**

Muốn tìm **số chia** trong phép chia có dư, ta lấy **số bị chia** trừ cho **số dư** rồi chia cho **thương**.

$$b = (a - r) : c$$

**Ví dụ :**  $57 : X = 8 \text{ dư } 1 \quad X = (57 - 1) : 8$

$X = 7 \quad \text{Thử lại : } 57 : 7 = 8 \text{ dư } 1$

**\* Trong phép chia có dư, số dư lớn nhất kém số chia 1 đơn vị**

$$r + 1 = b$$

## II/ BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG :

Lớn hơn ki-lô-gam			ki-lô-gam	Bé hơn ki-lô-gam		
Tấn	Tạ	Yến	kg	hg	dag	gam
1 tấn	1 tạ	1 yến	1 kg	1 hg	1 dag	1 gam
1 tấn = 10 tạ = 1000kg	1 tạ = 10 yến = 100kg	1 yến = 10 kg	1 kg = 10 hg = 1000g	1 hg = 10 dag = 100g	1 dag = 10 g	1 g

**\* Hướng dẫn học sinh lập bảng: Trên bìa cứng 4cm x 20cm**

a. Độ dài: (Mỗi đơn vị ứng với 1 chữ số)

km	hm	dam	m	dm	cm	mm

Ví dụ 1:  $8,43 \text{ m} = ? \text{ dm}$

Ví dụ 2:  $159,6 \text{ cm} = ? \text{ m}$

Ta viết số 8,43 m vào ngay đơn vị đề bài đã cho là m, sau đó xác định đơn vị cần đổi là dm, đặt dấu phẩy ngay sau khe nhỏ đơn vị dm.

km	hm	dam	m	dm	cm	mm
			8	,	4	3
			1	,	5	9
						6

Vậy:  $8,43\text{m} = 84,3\text{dm}$

$159,6\text{cm} = 1,596\text{m}$

b. Khối lượng: (Mỗi đơn vị ứng với 1 chữ số)

tấn	tạ	yến	kg	hg	dag	g

Ví dụ 1:  $5 \text{ tấn } 3 \text{ yến} = ? \text{ kg}$

Ví dụ 2:  $5\text{kg } 36\text{g} = ? \text{ yến}$

Ta viết 5 tấn 3 yến và 5 kg 36g vào đơn vị đề bài cho, sau đó xác định đơn vị cần đổi, dời dấu phẩy, đơn vị nào thiếu ta thay vào 1 chữ số 0, đánh dấu phẩy vào khe nhỏ sau đơn vị cần đổi.

Ta có:

tấn	tạ	yến	kg	hg	dag	g
5	0	3	0	,		
		0	,	5	0	3
						6

c. Diện tích: (Mỗi đơn vị ứng với 2 chữ số)

Lưu ý học sinh: “Số mũ 2” đặt ở trên góc phải tên đơn vị, thì mỗi đơn vị 2 chữ số

<b>km<sup>2</sup></b>		<b>hm<sup>2</sup></b>		<b>dam<sup>2</sup></b>		<b>m<sup>2</sup></b>		<b>dm<sup>2</sup></b>		<b>cm<sup>2</sup></b>		<b>mm<sup>2</sup></b>	

Ví dụ 1:  $5\text{m}^2 \quad 7 \text{dm}^2 = ? \text{dm}^2$

Ví dụ 2:  $5,7\text{m}^2 = ? \text{dm}^2$

Ví dụ 3:  $5\text{dm}^2 \quad 8\text{cm}^2 = ? \text{m}^2$

Ta viết  $5\text{m}^2 \quad 7\text{dm}^2$  ;  $5,7\text{m}^2$  ;  $5\text{dm}^2 \quad 8\text{cm}^2$  vào đơn vị đề bài cho , sau đó xác định đơn vị cần đổi, dời dấu phẩy, đơn vị nào thiếu ta thay vào chữ số 0 cho đủ 2 chữ số, đánh dấu phẩy vào khe nhỏ sau đơn vị cần đổi.

Ta có:

<b>km<sup>2</sup></b>		<b>hm<sup>2</sup></b>		<b>dam<sup>2</sup></b>		<b>m<sup>2</sup></b>		<b>dm<sup>2</sup></b>		<b>cm<sup>2</sup></b>		<b>mm<sup>2</sup></b>	
						5		0	7	,			
						5	,	7	0	,			
						0	,	0	5		0	8	

\* Vậy:

$$5\text{m}^2 \quad 7 \text{dm}^2 = 507\text{dm}^2$$

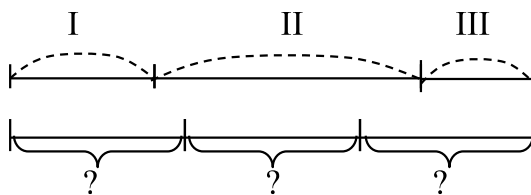
\* Chú ý cách đọc

$$5,7\text{m}^2 = 570\text{dm}^2$$

$$5\text{dm}^2 \quad 8\text{cm}^2 = 0,0508\text{m}^2$$

### III/ Trung bình cộng

$$\text{TBC} = \frac{I + II + III}{3}$$



Trung bình cộng = Tổng các số hạng : Số số hạng